

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày: 18-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Phúc; nghề nghiệp: Bí thư Đoàn xã Long Nguyên.

Ông Nguyễn Minh Tâm; nghề nghiệp: Phó Phòng Nội vụ huyện Bầu Bàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST – HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung K, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2001 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 09 tháng 8 năm 2019, đến ngày 18 tháng 8 năm 2019 được hủy bỏ quyết định gia hạn tạm giữ, cho bị cáo tại ngoại đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Minh L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2002 tại Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng L và bà Thái Hồng M; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 1 (một) năm tù về

tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 09 tháng 6 năm 2019; bị bắt tạm giữ từ ngày 09 tháng 8 năm 2019 sau tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2001 tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc X; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 09 tháng 8 năm 2019, đến ngày 18 tháng 8 năm 2019 được hủy bỏ quyết định gia hạn tạm giữ, cho bị cáo tại ngoại đến nay; có mặt.

4. Vũ Mạnh Tr, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2003 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký thường trú: thôn 3, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: không nơi cư trú nhất; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị T; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09 tháng 8 năm 2019 sau tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. Lê Thị X, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc S (đã chết) và bà Lê Thị Đ; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty Cổ phần Y; trụ sở: Lô 15 khu dân cư số 7, đường H, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*: ông Nguyễn Văn Th, là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09-8-2019).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo L*: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; là cha của bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo L*: Bà Lê Thị L, là Luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo K*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; là cha của bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo K*: ông Đỗ Thanh V, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tr*: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn 3, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, là cha của bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tr:* ông Đỗ Thanh V, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã Thanh Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung K, Nguyễn Minh L, Nguyễn Ngọc T và Vũ Mạnh Tr là bạn bè quen biết với nhau. Để có T tiêu xài K, L, T và Tr đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 08-8-2019, Nguyễn Trung K điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu cam biển số: 61K1-136.14 chở Tr đi từ phòng trọ của K đến Trạm biến áp 110 KV Lai Hưng tại khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, K đứng ngoài canh giới, Tr đi vào trong lấy 05 thanh thép NC 12223+9 mạ kẽm gồm: 02 thanh thép mạ kẽm L70x6 (405) và 03 thanh thép mạ kẽm L70x6 (407) với tổng trọng lượng là 73kg đem ra bỏ lên xe mô tô để K điều khiển chở Tr và số thép vừa trộm được đi bán. Trên đường đi thì bị anh Nguyễn Văn Thông là người quản lý công trình Trạm biến áp 110 KV Lai Hưng phát hiện truy đuổi và bắt quả tang giao cho Cơ quan Công an điều tra xử lý. Tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu cam, BS: 61K1-136.14 và 05 thanh thép nói trên.

Ngoài ra quá trình điều tra xác định, vào khoảng 21 giờ ngày 05-8-2019, K rủ Tr, L và T đi lấy trộm thép tại công trình Trạm biến áp điện 110 KV Lai Hưng để bán lấy T tiêu xài thì Tr, L và T đồng ý. K điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, biển số: 61K1-136.14 đến tiệm thu mua phế liệu do bị cáo Lê Thị X làm chủ để thỏa thuận việc mua bán thép. Lúc này X không có ở tiệm mà nhờ con dâu tên Nguyễn Thị L trông coi tiệm. Khi K gặp L hỏi việc bán thép thì L gọi điện thoại cho X và đưa máy cho K nói chuyện với X, X đồng ý mua và nói khi nào có thì mang tới bán. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày L điều khiển xe mô tô 61K1-136.14 chở K và T đi từ nhà trọ của K đến công trình đang thi công trạm

biến áp điện 110 KV Lai Hưng (do chỉ có 01 xe nên K, L và T đi trước). Khi đến nơi, L ngồi trên xe ở ngoài đường chờ, K và T đi bộ vào trong công trình lấy thép đem ra bỏ lên yên xe. K điều khiển xe chờ, L ngồi sau ôm số thép trên đến tiệm thu mua phế liệu của X để bán. Đến khoảng 01 giờ ngày 06-8-2019, T chở L về phòng trọ của K để nghỉ và chờ Tr ra thay thế L để tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đến khoảng hơn 02 giờ sáng cùng ngày thì nghỉ, và các bị cáo bán cho X tổng số thép là 84 thanh với tổng trọng lượng là 803kg và bán được số T 4.300.000 đồng sau đó chia nhau tiêu xài cá nhân.

Sau khi thu mua số thép trên, ngày 08-8-2019 X bán lại cho anh Nguyễn Ngọc D với số tiền 7.227.000 đồng, thu lợi số tiền 2.927.000 đồng (anh D đến nhà X mua thu gom nhiều loại phế liệu nên không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có). Đến ngày 09-8-2019 anh D bán lại số thép trên cho một người thu mua phế liệu qua đường được 7.760.000 đồng, thu lợi số tiền 533.000 đồng (số thép trên không thu hồi được). Vào ngày 07-10-2019 anh D và bị cáo X đã giao nộp lại số tiền thu lợi trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 171/Kl-HĐĐG ngày 14-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng trị giá như sau: 84 thanh thép mạ kẽm loại NC 12223+9, có tổng trọng lượng là 803kg các bị can lấy trộm ngày 05 và 06-8-2019 trị giá 25.836.525 đồng; 05 thanh thép mạ kẽm loại NC 12223+9 (02 thanh thép V mạ kẽm L70x6 (405) và 03 thanh thép V mã kẽm L70x6 (407)) các bị cáo lấy trộm vào ngày 08-8-2019 với tổng trọng lượng là 73kg trị giá 2.348.775 đồng.

Cáo trạng số 46/CT - VKSBB ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo Nguyễn Trung K, Nguyễn Minh L, Nguyễn Ngọc T và Vũ Mạnh Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Lê Thị X về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trung K; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 8 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Minh L; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 6 tháng đến 8 tháng tù giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Điều 51 Điều 65 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Mạnh Tr; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 323 điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị X; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đối với vật chứng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu cam, biển số: 61K1-136.14 quá trình điều tra xác định do bà Nguyễn Thị Ngọc X là mẹ bị can T là chủ sở hữu, T lấy xe đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà X không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bàu Bàng đã tiến hành trả lại cho bà X là đúng quy định. Đối với 05 thanh thép NC 12223+9 mạ kẽm gồm: 02 thanh thép mạ kẽm L70x6 (405) và 03 thanh thép mã kẽm L70x6 (407) Cơ quan CSĐT Công an huyện Bàu Bàng đã tiến hành trả lại cho ông Nguyễn Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Y là đúng quy định.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị L, là con dâu bị cáo X khi bị cáo K đến hỏi việc mua bán thép Lgọi điện và đưa máy cho K nói chuyện với X, việc mua bán do X quyết định, L không tham gia, L không biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc D đến tiệm phế liệu của X mua phế liệu gồm nhiều loại, trong đó có số sắt X mua của K nhưng anh D không biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Th (người đại diện Công ty Cổ phần Y) yêu cầu được bồi thường số T thiệt hại 25.836.525 đồng. Ông Nguyễn Văn T (cha bị can K) và bà Nguyễn Thị Ngọc X (mẹ bị can T) đã bồi thường cho ông Th số tiền 25.836.525 đồng như trên. Ông Th đã nhận đủ và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 2.927.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo X và 533.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc D (đã nộp vào tài khoản số 39490907175500000 tại kho bạc nhà nước huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K, bị cáo Tr thống nhất về điều khoản, tội danh Viện kiểm sát truy tố và mức án đề nghị. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65; Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trung K và bị cáo Vũ Mạnh Tr, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L thống nhất về điều khoản, tội danh Viện kiểm sát truy tố, nhưng bị cáo ăn năn hối cải, bị cáo đã thấy được tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, với mức án bằng với thời hạn tạm giam, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: Vào các ngày 05, 06 và 08-8-2019 K, L, T và Tr bàn bạc và thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản là 89 thanh thép của Công ty Cổ phần Y đang để thi công công trình tại Trạm biến áp 110 KV Lai Hưng thuộc khu phố Đ, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bán cho bị cáo X lấy T tiêu xài. Tổng số thép trên trên trị giá 28.185.300 đồng. Khi mua thép của bị cáo K, bị cáo X biết là thép lấy trộm của của Công trình trạm biến áp 110 KV Lai Hưng nhưng vì ham lời nên vẫn mua.

Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng đêm khuya, các bị cáo lén lút bị hại lấy trộm tài sản. Số tài sản chiếm đoạt được, các bị cáo K cùng đồng bọn mang đến bán cho bị cáo X lấy T chia nhau tiêu sài. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân tích vai trò của các bị cáo để thấy được tính chất, mức độ của từng bị cáo. Bị cáo K là người rủ rê và là người trực tiếp lấy trộm tài sản và đem tài sản đi tiêu thụ. Bị cáo T, Tr và L là người bị rủ rê nhưng tích cực hưởng ứng theo. Trong đó, bị cáo K và Tr tham gia 02 lần, trị giá tài sản chiếm đoạt là 28.185.300 đồng; các bị cáo L và T tham gia 01 lần, trị giá tài sản chiếm đoạt là 25.836.525 đồng. Đối với hành vi của bị cáo X, khi mua thép của K, bị cáo biết là tài sản do phạm tội mà có, nhưng vì ham lời nên vẫn mua. Cho nên, đối với hành vi của từng bị cáo Hội đồng xét xử xét nên xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo là những người có sức khỏe muốn hưởng thụ nhưng lười lao động, tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo như sau.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K và bị cáo Tr, phạm tội nhiều lần nên chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; gia đình các bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả quy

định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, các bị cáo K, Luận và bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên khi xử phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đề nghị đối với các bị cáo K, L, T, Tr và bị cáo X là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Tr không có nơi cư trú nhất định, cho nên vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo L đề nghị Hội đồng xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thời hạn tù bằng với thời hạn tạm giam, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa là không phù hợp. Vì bị cáo tuy là người phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng bị cáo nhân thân xấu, tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 1 (một) năm tù về tội “Cướp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 09 tháng 6 năm 2019, nhưng đến ngày 05 tháng 8 năm 2019 bị cáo tiếp tục phạm tội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét hành vi của của Nguyễn Thị L, là con dâu bị cáo X khi bị cáo K đến hỏi việc mua bán thép L gọi điện và đưa máy cho K nói chuyện với X, việc mua bán do X quyết định, L không tham gia, L không biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc D đến tiệm phế liệu của X mua phế liệu gồm nhiều loại, trong đó có sắt X mua của K nhưng anh D không biết rõ tài sản là do trộm cắp mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm. nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số T 2.927.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo X và 533.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc D giao nộp Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Th (người đại diện Công ty Cổ phần Y) yêu cầu được bồi thường số tiền thiệt hại 25.836.525 đồng. Ông Nguyễn Văn T (cha bị cáo K) và bà Nguyễn Thị Ngọc X (mẹ bị cáo T) đã bồi thường cho ông Th số T 25.836.525 đồng như trên. Ông Th đã nhận đủ và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T (cha bị cáo K) và bà Nguyễn Thị Ngọc X (mẹ bị cáo T) đã bồi thường cho bị đơn dân sự số T 25.836.525 đồng, ông T và bà X không yêu cầu gia đình bị cáo L, Tr hoàn trả lại cho ông T, bà X.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65; Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Minh L.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Mạnh Tr.

Căn cứ khoản 1, Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị X.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, các Điều 136, 260, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K, Nguyễn Minh L, Nguyễn Ngọc T và Vũ Mạnh Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tuyên bố bị cáo Lê Thị X phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 08 (tám) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong Tr hợp bị cáo Nguyễn Trung K có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09-8-2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc T có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Vũ Mạnh Tr 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09-8-2019.

Xử phạt bị cáo Lê Thị X 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 2.927.000 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) của bị cáo X và 533.000 đồng (năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) của anh Nguyễn Ngọc D (đã nộp vào tài khoản số 39490907175500000 tại kho bạc nhà nước huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Trung K, Nguyễn Minh L, Nguyễn Ngọc T, Vũ Mạnh Tr và bị cáo Lê Thị X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

6. Về thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THA huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử TAND(nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng